

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 376/2024/HC-PT

Ngày 04 - 7 - 2024

*V/v khởi kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Bích Hải;

Ông Phạm Đình Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính Thụ lý số 133/2024/TLPT-HC ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc “*khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 79/2023/HC-ST ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 6730/QĐPT ngày 17/6/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Đoàn Đình N, sinh năm 1956, có mặt;

Địa chỉ: Tổ F, khu B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông N: Ông Trương Xuân H, Luật sư Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

*** Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) tỉnh Quảng Ninh;

Địa chỉ: Số B đường N, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Tường H1, chức vụ: Chủ tịch UBND tỉnh Q, có đơn xin xử vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Đỗ Tuấn N1, Luật sư Công ty L3, Quảng Ninh, có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chủ tịch UBND thành phố H;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc L, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố H, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. UBND phường H, thành phố H;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Q, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND phường H, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Bùi Thị T, sinh năm 1957, có mặt;

Địa chỉ: Tổ F, khu B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình ông Đoàn Đình N bị thu hồi 217m² trong tổng số 567,5m² đất đang sử dụng để GPMB dự án *Trường Tiểu học và Trung học cơ sở H4*. Ủy ban nhân dân thành phố H phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 08/11/2006, sau đó được thay thế bằng Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 13/01/2016 và bổ sung bằng Quyết định số 8443/QĐ-UBND ngày 19/12/2018.

Theo phương án bồi thường hỗ trợ đã được phê duyệt thì UBND thành phố H căn cứ vào bản đồ địa chính năm 2000 và giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây gọi tắt là GCNQSD) đất do UBND thành phố H cấp cho gia đình ông N ngày 02/12/2004 để xác định diện tích đất bị thu hồi của gia đình ông N thuộc 2 thửa. Trong đó, thửa 104/26/ĐC thu hồi 102,6m²; thửa 96/26/ĐC thu hồi 113,6m². GCNQSD đất do UBND thành phố H cấp cho gia đình ông N với diện tích đất được cấp giấy chứng nhận là 190,58m² trong đó đất ở là 120m² thuộc thửa 96/26/ĐC và đất vườn là 70,58m² thuộc thửa 104/26/ĐC. Diện tích 217m² bị thu hồi GPMB nằm ngoài GCNQSD đất do đó UBND thành phố H đã bồi thường toàn bộ 217m² đất cho gia đình ông N theo giá đất nông nghiệp và hỗ trợ bằng 30% giá đất ở thửa 96/26/ĐC với diện tích hỗ trợ là 113,6m²; phần diện tích 102,6m² thuộc thửa 104/26/ĐC được hỗ trợ bằng 20% giá đất ở trung bình.

Ngày 19/02/2019 ông N có đơn khiếu nại yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố H xem xét lại GCNQSD đất đã cấp cho gia đình ông để cấp đủ diện tích đất ở cho gia đình ông N và giải quyết bồi thường diện tích đất đã thu hồi của gia đình theo giá đất ở. Ngày 27/4/2020 Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 3422/QĐ-UBND không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông N. Vì vậy, ngày 29/6/2020 ông N tiếp tục có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Q. Ngày 22/9/2021 Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 3211/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của ông N.

Vì vậy, ông Đoàn Đình N làm đơn khởi kiện yêu cầu: Hủy Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 22/09/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải quyết

khiếu nại của ông Đoàn Đình N; xem xét tính hợp pháp của GCNQSD đất do UBND thành phố H đã cấp cho gia đình ông Đoàn Đình N ngày 02/12/2004 và buộc UBND thành phố H lập và phê duyệt lại phương án bồi thường diện tích 216,2m² đã thu hồi của gia đình ông Đoàn Đình N là đất ở.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Q trình bày:

Ông Đoàn Đình N khiếu nại Quyết định số 3422/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 của Chủ tịch UBND thành phố H với nội dung đề nghị xem xét lại việc cấp GCNQSD đất cho gia đình ông vì chưa đủ 5 lần hạn mức đất ở.

Về nguồn gốc sử dụng đất: Theo bản chứng nhận nhà đất ngày 12/6/2015 của UBND phường H xác nhận thửa đất số 96/26/ĐC là đất do ông Đỗ Hồng T1 khai phá và sử dụng từ trước năm 1980, năm 1988 nhượng lại cho ông Đoàn Đình N sử dụng đến nay. Ngày 10/12/1996, thửa đất của ông N được UBND xã H đo vẽ sơ đồ hiện trạng nhà và đất và xác nhận với tổng diện tích 575m². Năm 2000 khi đo bản đồ địa chính gia đình ông Đoàn Đình N đăng ký bản đồ địa chính thửa đất số 96 tờ bản đồ số 26 diện tích là 586,4m².

UBND thành phố H đã xác định gia đình ông N chỉ có giấy tờ mua bán nhà ở được UBND xã H xác nhận ngày 10/10/1988 (là một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003) nhưng không có giấy tờ chứng minh được thửa đất của ông N xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được hình thành, sử dụng trước ngày 18/12/1980 (điều kiện để được công nhận 5 lần hạn mức đất ở). Vì vậy, căn cứ theo điểm d, khoản 1, Điều 50 Luật Đất đai 2003; khoản 1 Điều 1 Quyết định số 4767/2001/QĐ-UB ngày 17/12/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh V quy định hạn mức đất ở trên địa bàn thành phố H. Ngày 02/12/2004, Ủy ban nhân dân thành phố H đã ban hành Quyết định số 1479/QĐ-UB v/v cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đoàn Đình N - bà Bùi Thị T tại thửa đất số 96+104, tờ bản đồ số 26 có tổng diện tích 586,4m²: Diện tích cấp giấy là 190,58m², trong đó: 120m² đất ở; 70,85m² đất vườn (395,82m² đất không được cấp do nằm trong quy hoạch mở đường và khu vực chưa có quy hoạch).

- Thời điểm cấp GCNQSD đất năm 2004: Ngày 15/10/2004, UBND phường H xác định đất của ông N có nguồn gốc mua bán nhà đất năm 1988 (đất khai phá).

- Thời điểm UBND thành phố H thu hồi để bồi thường, GPMB thực hiện dự án Xây dựng Trường tiểu học V năm 2015 (gia đình ông N bị thu hồi 217m² để thực hiện dự án, trong đó có 113,6m² thuộc thửa 96/26/ĐC): Theo bản chứng nhận nhà đất ngày 12/6/2015 của UBND phường H xác nhận thửa đất số 96/26/ĐC là đất do ông Đỗ Hồng T2 khai phá và sử dụng đến nay.

- Thời điểm UBND thành phố H, Thanh tra tỉnh giải quyết khiếu nại việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông N:

+ Tại Văn bản số 252/UBND ngày 05/4/2020 của Ủy ban nhân dân phường H v/v xác minh nguồn gốc quá trình sử dụng đất của ông Đoàn Đình N xác định như sau:

“Đối với thửa đất số 96, tờ bản đồ số 26:

Ông Đoàn Đình N có đơn đề nghị về việc nhượng nhà ở được UBND xã H xác nhận ngày 10/10/1988. Sau đó ông N thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước theo biên lai thu ngân sách xã ngày 12/11/1988 mang tên ông Đoàn Đình N.

Ngày 10/12/1996, thửa đất của ông N được UBND xã H đo vẽ sơ đồ hiện trạng nhà và đất và xác nhận với tổng diện tích 575m².

Tại sơ đồ hiện trạng thể hiện phía Đông giáp nhà bà H2 và ông M phía Tây giáp khu đất ông Q1, phía Bắc giáp trục đường chính, phía Nam giáp biển.

Năm 2000 khi đo bản đồ địa chính gia đình ông Đoàn Đình N đăng ký bản đồ địa chính thửa đất số 96 tờ bản đồ số 26 diện tích là 586,4m².

Quá trình sử dụng: Từ năm 1988 đến nay do ông Đoàn Đình N quản lý và sử dụng để ở liên tục”.

- Văn bản số 747/UBND ngày 27/8/2020 của Ủy ban nhân dân phường H xác định nguồn gốc, thời điểm bắt đầu sử dụng đất của ông Đoàn Đình N như sau:

“Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng lại của ông Đỗ Đồng T2 được UBND phường H xác nhận năm 1988;

Quá trình sử dụng đất: Từ năm 1988 trở về trước do ông Đỗ Đồng T2 quản lý, không sử dụng để ở. Từ năm 1988 (khi nhận chuyển nhượng) đến nay do gia đình ông Đoàn Đình N sử dụng để ở.

Các nội dung thể hiện tại Bản chứng nhận nhà, đất đã lập trước đây đối với hộ ông Đoàn Đình N tại thửa đất số 96 tờ bản đồ địa chính số 26 (bản đồ địa chính xã H, nay là phường H được lập năm 2000) có nội dung sai khác với nội dung của văn bản này đều bị bãi bỏ”.

Như vậy, Ủy ban nhân dân phường H đã xác định nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất số 96 tờ bản đồ số 26 của ông Đoàn Đình N có diện tích 586,4m² là nhận chuyển nhượng của ông Đỗ Đồng T2 và sử dụng để ở từ năm 1988.

Trong quá trình xác minh giải quyết khiếu nại của ông Đoàn Đình N, tại buổi làm việc ngày 12/8/2020 và buổi đối thoại ngày 22/10/2020, ông N đã cung cấp cho Đ xác minh - Thanh tra tỉnh giấy đề nghị xin đất làm nhà của ông Đình Chính T3 (người mua đất của ông Đỗ Đồng T2) được UBND xã H xác nhận năm 1978, trong đó có ghi ông Đình Chính T3 có mua một căn nhà tranh 20m² của ông Đỗ Đồng T2, để chứng minh thửa đất của ông N sử dụng đất ở trước năm 1980.

Để làm rõ hơn nguồn gốc thửa đất số 96 tờ bản đồ số 26 của ông Đoàn Đình N, Thanh tra tỉnh tiếp tục tra cứu hồ sơ giải quyết khiếu nại lần đầu và lần

hai đang lưu giữ tại Thanh tra tỉnh của ông, bà Nguyễn Văn M1 - Phạm Thị L1 cùng trú tại tổ F, khu B, phường H, thành phố H là hộ liên kề với hộ ông Đoàn Đình N và cũng bị thu hồi đất để thực hiện Dự án trên. Tại Biên bản xét duyệt nguồn gốc, thời điểm và quá trình sử dụng đất ngày 27/5/2015 và Bản chứng nhận nhà, đất ngày 12/6/2015 của Ủy ban nhân dân phường H đối với hộ ông Nguyễn Văn M1, diện tích gia đình ông M1 quản lý, sử dụng 395,5m², trong đó có diện tích thuộc thửa 96 tờ 26 là 6,8m². Diện tích bị thu hồi để giải phóng mặt bằng là 237,3m² (trong đó có 6,8m² thuộc thửa 96 tờ 26). Thửa 96 tờ 26 được xác nhận nguồn gốc như sau:

“Thửa 96 tờ 26: Đất do ông Đỗ Đồng T2 khai phá sử dụng trước năm 1980, nhượng lại cho ông Đoàn Đình N năm 1988. Trong quá trình sử dụng, sau khi đo địa chính hai bên gia đình tự dịch chuyển mốc giới và đã xây tường phân chia ranh giới rõ ràng”.

Quá trình sử dụng thửa đất: “Đối với diện tích trong thửa địa chính 96: Từ trước năm 1980 đến năm 1988 do ông Đỗ Đồng T2 quản lý sử dụng làm nhà để ở. Từ năm 1988 đến năm 2000 do ông Đoàn Đình N quản lý, sử dụng làm nhà để ở. Từ năm 2001 đến nay do ông Nguyễn Văn M1 quản lý sử dụng để làm nhà ở”.

Ngày 30/11/2020, Thanh tra tỉnh làm việc với Ủy ban nhân dân thành phố H nhận thấy: Việc xác định nguồn gốc thửa đất số 96 tờ bản đồ số 26 của UBND phường H cho các hộ gia đình là không đồng nhất ở các thời điểm làm ảnh hưởng đến việc xem xét giải quyết quyền lợi và giải quyết khiếu nại của công dân ở các cấp. Hội nghị thống nhất, Thanh tra tỉnh báo cáo UBND tỉnh giao UBND thành phố H rà soát lại nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất số 96 tờ bản đồ 26 BĐDC 2000 phường H của ông Đỗ Đồng T2.

Ngày 21/12/2020, UBND tỉnh có Văn bản số 8720/UBND-TD2 v/v giải quyết khiếu nại của ông Đoàn Đình N, trú tại tổ F, khu B, phường H, thành phố H, giao Ủy ban nhân dân thành phố H: Xác định lại nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất số 96 tờ bản đồ địa chính số 26 phường H đo vẽ năm 2000, có nguồn gốc là đất của ông Đỗ Đồng T2 (chủ sử dụng đất đầu tiên) để làm cơ sở lập phương án đền bù và giải quyết khiếu nại cho các hộ dân có sử dụng đất liên quan đến nguồn gốc thửa đất nêu trên trong đó có hộ gia đình ông Đoàn Đình N.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, ngày 18/01/2021, UBND thành phố H có Báo cáo số 359/UBND v/v giải quyết đơn của ông Đoàn Đình N, trú tại tổ F, khu B, phường H, báo cáo nguồn gốc, quá trình sử dụng đối với thửa đất số 96 tờ bản đồ địa chính số 26 phường H đo vẽ năm 2000 như sau:

“Nguồn gốc: nhận chuyển nhượng lại của ông Đỗ Đồng T2 được UBND phường H xác nhận năm 1988.

- Quá trình sử dụng đất: Từ năm 1988 trở về trước do ông Đỗ Đồng T2 quản lý, không sử dụng để ở.

Từ năm 1988 (khi nhận chuyển nhượng) đến nay do gia đình ông Đoàn Đình N sử dụng để ở.

Ngày 19/9/2020, khu phố B phường H chủ trì là ông Trương Hồng T4 - khu trưởng khu phố B đã tổ chức họp để xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với thửa đất số 96 tờ bản đồ địa chính số 26, UBND phường H nhất trí với phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đối với thửa đất số 96 tờ bản đồ số 26 như sau: Trước năm 1982 mảnh đất này do ông Đồng T khai hoang và làm chòi canh nhỏ (không phải sử dụng để ở). Đến năm 1983, ông Đồng T5 chuyển nhượng cho ông Xi T6. Sau đó ông Xi T6 chuyển nhượng cho ông Đỗ Văn N2. Năm 1986, ông N2 chuyển nhượng lại cho ông Đỗ Đồng T2 và ông Đỗ Đồng T2 chuyển nhượng lại cho ông Đoàn Đình N được UBND xã H xác nhận ngày 10/10/1988. Ông Đoàn Đình N sử dụng để ở từ năm 1988 đến nay.

Các nội dung xác nhận về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất trước đây đối với thửa đất số 96 tờ bản đồ địa chính số 26 có sai khác với nội dung trên đều bị bãi bỏ”.

Theo Văn bản số 1639/CV-CATP ngày 15/3/2020 của Công an thành phố H trả lời xác minh thông tin cư trú của ông Đỗ Đồng T2 và bà Nguyễn Thị H3 tại tổ F khu H phường H, có nội dung: “... trước năm 2014 hộ bà Nguyễn Thị H3 có HKTT tại thôn B - H. Ngày 30/7/2014 hộ bà Nguyễn Thị H3 chuyển nhà từ Hùng T đến tổ F khu H, phường H, thành phố H. Như vậy, ông Đỗ Đồng T2 chưa từng sử dụng vào mục đích ở đối với thửa đất số 96, tờ bản đồ số 26 thuộc tổ F, khu B phường H từ thời điểm nhận chuyển nhượng từ anh trai là ông N3 năm 1986”.

Do đó, không có căn cứ cho rằng thửa đất số 96, tờ bản đồ số 26, thuộc tổ F, khu B, phường H của ông Đoàn Đình N có nguồn gốc do ông Đỗ Đồng T2 sử dụng để ở từ trước năm 1980. Do vậy, hộ gia đình ông Đoàn Đình N không đủ điều kiện được cấp bằng 05 lần hạn mức đất ở theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chủ tịch UBND thành phố H và Ủy ban nhân dân thành phố H có quan điểm:

Về nguồn gốc quá trình sử dụng đất: Thửa đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng lại của ông Đỗ Đồng T2 được UBND phường H xác nhận năm 1988. Quá trình sử dụng đất: từ năm 1988 trở về trước do ông Đỗ Đồng T2 quản lý, không sử dụng để ở; Từ năm 1988 đến nay do gia đình ông Đoàn Đình N sử dụng để ở.

Sau khi ông Đoàn Đình N có đơn khiếu nại, ngày 27/4/2020 UBND thành phố H ban hành Quyết định số 3422/QĐ-UBND với nội dung không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Đoàn Đình N. UBND thành phố H áp dụng điểm a, b khoản 4 Điều 87 Luật Đất đai năm 2003 (tại thời điểm cấp GCNQSD đất) và theo khoản 1 Điều 1 Quyết định số 4767/QĐ-UB ngày 17/12/2001 của UBND tỉnh về việc quy định hạn mức đất ở trên địa bàn thành phố H để cấp GCNQSD đất số Q916700 số vào sổ 7757 tại thửa đất số 96+104, tờ bản đồ số 26 thuộc tổ F, khu B, phường H với diện tích 190,58m² cho gia đình ông Đoàn Đình N là

đúng quy định, đúng trình tự, thủ tục theo đúng Điều 136 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ. Việc ông N đề nghị cấp theo khoản 2 Điều 87 Luật Đất đai năm 2003 và khoản 2 Điều 45 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 để được cấp tối đa không quá 05 lần hạn mức đất ở tại vị trí thửa đất là không có cơ sở giải quyết.

- Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H có quan điểm:

Ông Đoàn Đình N đăng ký quản lý thửa đất số 96+104 tờ bản đồ địa chính số 26 (bản đồ đo năm 2000) tại tổ F, khu B, phường H đã được UBND thành phố H cấp GCNQSD đất ngày 02/12/2004, số vào sổ 7757 với diện tích 190,58m². Trong đó, đất ở 120m², đất vườn 70,58m².

Ông Đoàn Đình N có đơn khiếu nại lần 1 và lần 2 đến UBND thành phố H, UBND tỉnh Q về việc xem xét lại việc cấp GCNQSD đất cho gia đình và đề nghị được cấp 05 lần hạn mức đất ở. Trong quá trình xem xét giải quyết khiếu nại của ông Đoàn Đình N, Thanh tra tỉnh Quảng Ninh có đề nghị UBND phường H chỉ đạo tổ chức lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất. Kết quả phiếu lấy ý kiến của khu dân cư thống nhất: *Trước năm 1982 mảnh đất này do ông Đồng T5 khai hoang và làm chòi canh nhỏ. Năm 1983 chuyển nhượng cho ông Xi T6. Ông Xi T6 chuyển nhượng cho ông Đỗ Văn N2. Năm 1986 ông N2 cho anh trai là Đỗ Đồng T2. Năm 1988 ông Đỗ Đồng T2 chuyển nhượng cho ông Đoàn Đình N như đơn đề nghị ngày 26/8/1988 của ông Đỗ Đồng T2.*

Bà Bùi Thị T: Có cùng quan điểm với người khởi kiện là ông Đoàn Đình N.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 79/2023/HC-ST ngày 16/10/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã quyết định; căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Đình N: Hủy Quyết định 3211/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của Đoàn Đình N, trú tại tổ F A, khu B, phường H, thành phố H (lần hai); xem xét tính hợp pháp của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố H đã cấp cho gia đình ông Đoàn Đình N ngày 02/12/2004 và bác yêu cầu buộc UBND thành phố H lập và phê duyệt lại phương án bồi thường diện tích 216,2m² đã thu hồi của gia đình ông Đoàn Đình N là đất ở.

Ngoài ra, bản án còn xử lý về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/10/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh nhận được đơn kháng cáo của ông Đoàn Đình N, với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của ông N. Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện có kháng cáo giữ nguyên nội dung khởi kiện.

* *Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:*

Ông Đoàn Đình N và bà Bùi Thị T thống nhất trình bày: Cơ bản giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm; nguồn gốc đất của gia đình ông N mua từ năm 1988 để ở có giấy mua bán, có xác nhận của UBND phường. Tuy nhiên, khi mua có thiếu sót là không ghi đất khai phá từ trước năm 1980; đất của gia đình ông đủ điều kiện để được cấp hạn mức đất ở gấp 05 lần theo quy định của UBND tỉnh Q.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày: Gia đình ông N sau khi được cấp GCNQSD đất từ năm 2006 đã có khiếu nại; UBND tỉnh đã thanh tra, tổ chức đối thoại sau đó giao cho UBND thành phố H và Hội đồng đăng ký đất đai địa phương xác định loại nguồn gốc đất của ông N. UBND xã H lúc đầu xác nhận đất của ông N có nguồn gốc là đất ở trước năm 1980, nhưng sau khi có khiếu nại lần 2 thì UBND phường H đã có văn bản xác nhận lại là không đúng. Việc tổ chức lấy ý kiến dân cư không được thực hiện đúng quy định, đúng thành phần. UBND căn cứ vào xác nhận nhân khẩu của ông T2 để làm căn cứ cho rằng không ở trên đất là không đúng. Vì chính ông T2 đã có đơn và xác nhận ông T2 quê quán và cư trú tại đây. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông N là thiếu căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: UBND phường H đã tổ chức lấy ý kiến dân cư theo đúng quy định của pháp luật và Bộ T7. Theo đó, xác định ông T2 không ở trên đất; ông T2 chuyển nhượng cho ông N năm 1988 và ông N mới ở cho đến nay. Do đó, không có cơ sở xác định đất ông N có nguồn gốc để ở trước năm 1980 nên không đủ điều kiện cấp bằng 05 lần hạn mức đất ở; quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Q là có căn cứ; Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện là đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông N.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng các quy định pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng: Cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ; tại cấp phúc thẩm không có tình tiết gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; lời trình bày của các đương sự,

người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy như sau:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện là Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của ông Đoàn Đình N, xem xét tính hợp pháp của GCNQSD đất do UBND thành phố H đã cấp cho gia đình ông Đoàn Đình N ngày 02/12/2004 đồng thời buộc UBND thành phố H lập và phê duyệt phương án bồi thường diện tích 216,2m² đất đã thu hồi của gia đình ông N là đất ở. Đây là các quyết định hành chính cá biệt và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của UBND, Chủ tịch UBND cấp huyện và cấp tỉnh, nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Ngày 22/9/2021 Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 3211 về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của ông Đoàn Đình N; ngày 13/10/2021 ông N nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là đang trong thời hạn 01 năm nên đang trong thời hiệu khởi kiện. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Mặc dù người khởi kiện chỉ khởi kiện Quyết định 3211, nhưng liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện còn có Quyết định số 3422/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 của Chủ tịch UBND thành phố H về giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Đoàn Đình N; Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 13/01/2016 về thu hồi đất; Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 13/01/2016 về phê duyệt phương án bồi thường; Quyết định số 8443/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 về phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, nên Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xem xét tính hợp pháp, tính có căn cứ của các quyết định này là đúng quy định.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm một số đương sự vắng mặt, nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền, hoặc đã có đơn xin xét xử vắng mặt, hoặc đã được triệu tập hợp lệ những vẫn vắng mặt, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại Điều 59; khoản 2 Điều 158; Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

**Về Nội dung:*

[3] Xét về nguồn gốc thửa đất của hộ gia đình ông Đoàn Đình N bị thu hồi, thấy: Hộ gia đình ông Đoàn Đình N quản lý, sử dụng diện tích 586,4m², thuộc thửa 96+104, tờ bản đồ số 26; năm 2004 được UBND thành phố H cấp GCNQSD đất với diện tích 190,5m² (trong đó 120m² đất ở và 70,85m² đất vườn), phần diện tích còn lại (395,82m²) không được cấp GCNQSD đất do nằm trong quy hoạch mở đường và khu vực chưa có quy hoạch. Căn cứ hồ sơ cấp GCNQSD đất cho ông N thể hiện: Tháng 11/2004, hộ gia đình ông Đoàn Đình N nộp đơn xin cấp GCNQSD đất đối với thửa đất số 96 +104, tờ bản đồ số 26,

diện tích 658,9m²; hồ sơ gồm có: Đơn đề nghị (về việc nhượng nhà ở) giấy viết tay ngày 10/10/1988, biên lai thu ngân sách xã năm 1988, đơn đăng ký quyền sử dụng đất, tờ khai xác định mốc thời gian sử dụng đất, biên bản kiểm tra thực địa, biên bản xét duyệt hồ sơ xin cấp GCNQSD đất của UBND xã H. Ngày 24/11/2004 Phòng Địa chính đô thị lập phiếu trình với nội dung cấp GCNQSD đất cho hộ ông Đoàn Đình N; nguồn gốc đất được xác định là nhận chuyển nhượng nhà và đất năm 1988 với tổng diện tích 190,58m² (trong đó 120m² đất ở và 70,58m² đất vườn). Tại bản chứng nhận nhà đất ngày 12/6/2015 của UBND phường H xác nhận thửa đất số 96/26/ĐC là do ông Đỗ Đồng T2 khai phá và sử dụng từ trước năm 1980, năm 1988 nhượng lại cho ông Đoàn Đình N sử dụng để ở đến nay. Tuy nhiên, tại Văn bản số 747/UBND ngày 27/8/2020 và Văn bản số 24/UBND ngày 11/01/2021 của UBND phường H xác nhận nguồn gốc, thời điểm bắt đầu sử dụng đất của ông Đoàn Đình N thể hiện nội dung: Nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Đỗ Đồng T2 được UBND phường H xác nhận năm 1988; quá trình sử dụng đất từ năm 1988 trở về trước do ông Đỗ Đồng T2 quản lý, không sử dụng để ở; từ năm 1988 đến nay do gia đình ông N sử dụng để ở. Tại văn bản này còn khẳng định các nội dung thể hiện bản chứng nhận nhà đất lập trước đây đối với hộ gia đình ông N tại thửa đất số 96, tờ bản đồ số 26 có nội dung sai khác với nội dung văn bản này đều bị bãi bỏ. Nội dung xác nhận này phù hợp với kết quả lấy ý kiến dân cư khu phố B, phường H thể hiện thửa đất này trước năm 1982 không sử dụng để ở; phù hợp với ý kiến của Công an phường H, thành phố H xác nhận quá trình cư trú của hộ ông Đỗ Đồng T2, bà Nguyễn Thị H3 thể hiện: Từ năm 1985 hộ bà Nguyễn Thị Hoa đăng k thường trú tại địa chỉ B, phường H với 02 nhân khẩu là bà Nguyễn Thị H3 và con là Nguyễn Thành C; đến ngày 04/4/2001 ông Đỗ Đồng T2 được đăng ký thường trú tại hộ bà H3. Đối với ông Đỗ Đồng T2 từ năm 1976 đến năm 1988 không có dữ liệu cư trú trên địa bàn thành phố H. Như vậy, căn cứ các tài liệu chứng cứ nêu trên thấy rằng, gia đình ông Đoàn Đình N tuy có một trong các loại giấy tờ được quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003, nhưng không có căn cứ chứng minh thửa đất của gia đình ông N được hình thành và sử dụng từ trước ngày 18/12/1980. Do đó, việc UBND thành phố H căn cứ khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 1 Quyết định số 4767/2001/QĐ-UBND ngày 17/12/2001 của UBND tỉnh Q quy định hạn mức đất ở trên địa bàn thành phố H để cấp GCNQSD đất cho ông Đoàn Đình N. Theo đó, xác định hạn mức đất ở của gia đình ông N là 120m² là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, ông Đoàn Đình N cung cấp một số tài liệu cho rằng ông Đỗ Đồng T2 sử dụng để ở từ trước năm 1980, nhưng những tài liệu này chưa đủ căn cứ chứng minh việc sử dụng đất, nên không có căn cứ chấp nhận. Đối với diện tích đất 395,82m² đất còn lại được xác định là nằm trong quy hoạch mở đường và khu vực chưa có quy hoạch, nên không được cấp GCNQSD đất là có căn cứ.

[4] Đối với yêu cầu UBND thành phố H lập và phê duyệt phương án bồi thường đối với diện tích 216,2m² là đất ở, thấy: Như đã phân tích ở trên thì không đủ căn cứ xác định nguồn gốc đất của ông Đoàn Đình N có nguồn gốc sử

dụng từ trước ngày 18/12/1980, nên hạn mức đất ở được xác định theo Quyết định số 4767/2001/QĐ-UBND ngày 17/12/2001 của UBND tỉnh Q quy định hạn mức đất ở trên địa bàn thành phố H. Do đó, việc UBND thành phố H đã thu hồi đất, lập phương án bồi thường cho ông N khi thu hồi đất để thực hiện dự án Trường tiểu học và Trung học cơ sở H4 là đúng quy định của pháp luật.

[5] Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 3422/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 của Chủ tịch UBND thành phố H: Do không đồng ý với quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, cũng như không đồng ý với việc xác định hạn mức đất ở như GCNQSD đất đã được cấp, ông Đoàn Đình N khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố H. Sau khi thụ lý đơn, Chủ tịch UBND thành phố H đã cho tổ chức xác minh, đối thoại; trên cơ sở kết quả xác minh thấy việc khiếu nại của ông Đoàn Đình N không có căn cứ, nên ngày 27/4/2020 Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 3422/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Đoàn Đình N, nội dung “Không chấp nhận các nội dung khiếu nại của ông Đoàn Đình N” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Về Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Đoàn Đình N, thấy: Sau khi nhận được đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh Q đã thụ lý, phân công điều tra, xác minh và tổ chức đối thoại theo đúng quy định của pháp luật; căn cứ kết quả xác minh, đối thoại thấy việc khiếu nại của ông N không có căn cứ chấp nhận và việc UBND thành phố H ban hành phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất; cấp GCNQSD đất cho gia đình ông Đoàn Đình N; Chủ tịch UBND thành phố H ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của ông N là đúng quy định của pháp luật, nên Chủ tịch UBND tỉnh Q đã ban hành Quyết định số 3211/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của ông Đoàn Đình N, nội dung: Không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Đoàn Đình N về việc đề nghị cấp lại GCNQSD đất UBND thành phố H đã cấp ngày 02/12/2004 cho gia đình ông N, để cấp lại đủ diện tích đất ở theo đúng hạn mức được quy định tại Luật Đất đai năm 2003, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ là không quá 05 lần hạn mức đất ở tại thành phố H.

Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định pháp luật, tại phiên tòa phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới; nên kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm của người khởi kiện không có căn cứ để chấp nhận; tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[7]. Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận lẽ ra người kháng cáo phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật, nhưng ông N là người cao tuổi, thuộc đối tượng được miễn nộp án phí, ông N đã có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí phúc thẩm cho ông N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Đoàn Đình N; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 79/2023/HC-ST ngày 16/10/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Đoàn Đình N.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm